TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI,** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST
Ngày: 17/4/2019
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Kha; Ông Nguyễn Văn Được

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Nga - Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy Hằng -Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLST-KDTM ngày 28/09/2018 về *"Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 06/3/2018 và thông báo số 05/TB-TA ngày 08/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty cổ phần văn hóa T**

Địa chỉ trụ sở chính: 63 Phạm Ngọc T, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Kim O - chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1989; địa chỉ: 262Nam Kỳ Khởi N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.. Theo văn bản ủy quyền số 07/2018/GUQ-VHTIE ngày 20/9/2018. (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: **Công ty TNHH M VPP**

Địa chỉ trụ sở: Số 1111 đường Phú Riềng Đỏ, phường Tân B, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1983, chức vụ: Giám đốc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Ngày 05/12/2016 Công ty cổ phần văn hóa T (*viết tắt là Cty T*) và Công ty TNHH M(*viết tắt là VPP B*) đã ký hợp đồng nguyên tắc số 23/2016/HĐT-VH-TIE (*viết tắt là HĐ số 23*) về việc mua bán hàng hóa là tập vở học sinh, thời hạn hợp

đồng từ ngày 05/12/2016 đến ngày 31/12/2017, thời hạn thanh toán tính từ ngày ghi trên hóa đơn bán hàng là 25 ngày, lãi suất chậm thanh toán là 0,05%/ngày.

Trong quá trình thực hiện HĐ số 23, Cty T đã giao hàng và nhận tiền nhiều lần. Đến ngày 30/8/2017 VPP B còn nợ các lô hàng với tổng giá trị là 217.094.031 đồng *(Hai trăm mười bảy triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, không trăm ba mươi mốt đồng)*, trong đó gồm các hóa đơn số 1220 ngày 28/7/2017 số tiền 134.596.022 đồng và hóa đơn số 141 ngày 30/8/2017 số tiền 82.498.009 đồng, sau đó VPP Bình Phước đã thanh toán được 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*), hiện tại còn nợ 147.094.557 đồng *(Một trăm bốn mươi bảy triệu không trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm năm bảy đồng)*.

Do VPP B không thanh toán đúng hạn nên ngày 09/5/2018 Cty Tđã gửi công văn số 29/2018/CV-VHTIE về việc đề nghị VPP B thanh toán số tiền nợ quá hạn; ngày 13/6/2018 Cty T lại tiếp tục gửi công văn số 39/2018/CV VHTIE đề nghị VPP B c thanh toán toàn bộ số tiền nợ, mặc dù VPP B đã nhận được văn bản nhưng không có phản hồi, cũng không thông báo về số hàng tồn kho và yêu cầu hỗ trợ giải quyết hàng tồn kho, cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho cty T. Căn cứ mục 5.2.6 Điều 5 HĐ số 23 quy định "*Trong mọi trường hợp khi bên A giao hàng đúng theo thỏa thuận, rủi ro đối với hàng hóa sẽ được chuyển sang cho bên B tại thời điểm được giao theo quy định"* do đó Cty Tie không có nghĩa vụ phải xác nhận hàng tồn kho với VPP B .

Đối với việc mở nhà phân phối mới tại khu vực Bình Phước, trong HĐ số 23 không có điều khoản quy định Cty T không được phép mở nhà phân phối mới và có nghĩa vụ phải thông báo cho VPP B biết. Về thỏa thuận đạt doanh số 1 tỷ đồng thì Cty T mới cử nhân viên bán hàng nhưng doanh số của VPP B mới đạt 539.550.000 đồng nên những vấn đề VPP B đưa ra không có căn cứ.

Do đó Cty T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc VPP B thanh toán các khoản sau đây:

-Số tiền nợ gốc là 147.094.557 đồng.

-Tiền phạt vi phạm hợp đồng là 11.767.565 đồng;

-Lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất cho vay trung bình của 03 Ngân hàng *(Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng Quốc tế và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 0,7%/tháng)* đối với hóa đơn số 0001220 tính từ ngày 22/8/2017 đến ngày 17/4/2019 là 602 ngày, hóa đơn số 000141 tính từ ngày 24/9/2017 đến ngày 17/4/2019 là 569 ngày, số tiền lãi 20.026.572 đồng.

-Yêu cầu trả lãi suất chậm thanh toán tiếp theo từ sau ngày xét xử cho đến khi VPP Bình Phước thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ.

Tại bản khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Lê Hoàng V trình bày:

Thống nhất về HĐ số 23 và nội dung hợp đồng. Hiện nay VPP B còn nợ Cty Tsố tiền hàng là 147.094.557 đồng. Nay Cty T yêu cầu VPP B phải thanh toán nợ, lãi suất chậm thanh toán và phạt vi phạm hợp đồng thì VPP B không đồng ý. Lý do Cty T không thực hiện đúng cam kết hỗ trợ nhân viên bán hàng, mở nhà phân phối

không thông báo cho bên VPP B, không chuyển tồn kho qua nhà phân phối mới, để hàng tồn kho lâu ngày không có hướng xử lý, không có biện pháp làm việc thanh lý hợp đồng. Công ty T đã vi phạm Điều 12.1.1 và Điều 12.1.7, 12.1.8 trong HĐ số 23, do đó VPP B không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cty T, bao giờ Cty T xử lý hàng tồn kho thì VPP B mới thanh toán tiền nợ còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định tại Điều 50, 306 luật thương mại năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Toà án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu VPP B trả tiền nợ mua hàng 147.094.557 đồng và lãi chậm thanh toán với mức lãi 0,7%/01 tháng đối với các hóa đơn xuất ngày 28/7/2017 số tiền 64.596.002đồng được tính từ ngày 22/8/2017 đến ngày xét xử; hóa đơn xuất ngày 30/8/2017 số tiền 82.498.009đồng tính từ ngày 24/9/2017 đến ngày xét xử; Không chấp nhận yêu cầu của Cty T về việc yêu cầu VPP B trả tiền phạt vi phạm hợp đồng số tiền 11.757.565 đồng; Về án phí, nghĩa vụ thi hành án đề nghị áp dụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Cty T và VPP B ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 23/2016 HĐT- VH-TIE ngày 05/12/2016 về việc mua bán hàng hóa tập vở học sinh, Cty Tkhởi kiện yêu cầu VPP B phải thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ; VPP B có địa chỉ trụ sở tại thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2].Về tố tụng: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3].Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Cty T cho rằng VPP B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu Tòa án buộc VPP B phải thanh toán các khoản nợ gốc là 147.094.557đồng; Tiền phạt vi phạm hợp đồng là 11.767.565đồng; Lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử 17/4//2019 là 20.026.572 đồng và yêu cầu tính lãi tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ. Bị đơn VPP B thống nhất số tiền hàng còn nợ lại trên 02 hóa đơn là 147.094.557đồng, nhưng do Cty T không thực hiện đúng cam kết hỗ trợ nhân viên bán hàng, mở nhà phân phối không thông báo cho bên VPP B, không chuyển tồn kho qua nhà phân phối mới, để hàng tồn kho lâu ngày không có hướng xử lý, không có biện pháp làm việc thanh lý hợp đồng, đơn phương chấm dứt hợp đồng không thông báo. Do đó VPP Bình không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

[4].Xét, giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất vào ngày 05/12/2016 hai bên có ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 23/2016/HĐT-VH-TIE về việc mua bán hàng hóa tập vở học sinh, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là đúng, quá trình thực hiện hợp đồng đến nay VPP B còn nợ Cty T số tiền hàng tổng cộng là 147.094.557đồng trên 02 hóa đơn số 1220 và 141. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của BLTTDS năm 2015.

[5].Về nội dung thỏa thuận trong HĐ số 23, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 05/12/2016 đến 31/12/2017, hàng hóa giao dịch là tập vở học sinh, chi tiết từng loại được ghi nhận trong các đơn hàng, giá, hình thức giao nhận hàng, phương thức thanh toán, lãi suất... đều được ghi nhận trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 28/7/2017 và ngày 30/8/2017 Cty T đã xuất 02 hóa đơn với số tiền tổng cộng là 217.094.031 đồng, theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng thì thời hạn thanh toán là 25 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn, tuy nhiên kể từ ngày 30/8/2017 là ngày xuất hóa đơn sau cùng đến ngày 05/01/2018 sau khi Cty T gửi văn bản đề nghị thanh toán công nợ thì VPP Bình Phước mới trả được 70.000.000đồng, số còn lại hiện nay chưa thanh toán. Tiếp theo Cty T chứng minh đã gửi 02 văn bản đề nghị thanh toán nợ vào các ngày 09/5/2018 và ngày 13/6/2018 cho VPP B bằng hình thức gửi bảo đảm qua bưu điện (*có giấy chuyển fax nhanh kèm theo)* đến địa chỉ của V Bình Phước theo đúng thỏa thuận tại Điều 10 về đối chiếu công nợ, trong trường hợp này VPP B phải ký xác nhận công nợ, đóng dấu và gửi văn bản lại trong thời hạn 05 ngày làm việc. Nhưng đến thời điểm hiện tại ông Vương, đại diện theo pháp luật của VPP B cho rằng không nhận được bất kỳ văn bản nào, hay người ký nhận văn bản là ai. Trong trường hợp nếu không nhận được văn bản yêu cầu thanh toán nợ và bên Cty T không tiếp tục cung cấp hàng thì trách nhiệm của VPP B cũng phải thực hiện đúng theo hợp đồng về việc yêu cầu xác nhận hàng tồn kho và hướng giải quyết công nợ, hoặc trả lại hàng hóa do không bán được trong thời hạn 90 ngày theo quy định tại mục 12.2.15 Điều 12 HĐ số 23, tuy nhiên VPP B không thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngoài ra, tại biên bản làm việc ngày 20/10/2018 giữa Cty với đại diện VPP B là ông V, ông Vương không đề cập gì đến lượng hàng tồn kho để yêu cầu hướng xử lý. Khi Cty T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án cũng gửi cho VPP B bản sao đơn khởi kiện *(có giấy chuyển fax nhanh ngày 21/8/2018 kèm theo)* nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông V mới có những phản hồi này. Mặc khác, VPP B cho rằng bên Cty T đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không thông báo thì theo quy định tại mục 13.2, Điều 13 hợp đồng *"Bên bị vi phạm phải gửi thông báo bằng văn bản cho bên còn lại biết và yêu cầu khắc phục vi phạm trong thời hạn 15 ngày*" nhưng VPP B không có bất kỳ sự phản hồi gì đối với phía bên kia. Như vậy, VPP B đã vi phạm hợp đồng, vi phạm về thời hạn thanh toán trước.

[6].Theo mục 10.2, 14.1 của HĐ số 23 về việc xác nhận hàng tồn kho để có giải pháp hỗ trợ, giải quyết công nợ; thanh lý hợp đồng... Tuy nhiên, khi VPP B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (quá thời hạn 25 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn) và hết thời hạn hợp đồng (ngày 31/12/2017) hai bên cũng không đưa ra hướng giải quyết gì, không thanh lý hợp đồng, cho đến ngày 05/01/2018 Cty T mới có văn bản yêu cầu thanh toán công nợ. Như vậy hai bên đều có một phần lỗi trong việc thực hiện hợp đồng đối với các điều khoản này nhưng lỗi chính là do VPP B c vi phạm nghĩa vụ thanh toán trước.

[7].Về việc hỗ trợ nhân viên bán hàng theo mục 12.1.1; 12.1.7 HĐ số 23, Cty T cho rằng có hỗ trợ nhân viên bán hàng nhưng do năng lực bán hàng của nhân viên hạn chế nên đã thỏa thuận với bên VPP B chấm dứt hợp đồng nhân viên bán hàng này. Tại phiên tòa ông V cũng xác nhận trong khoảng thời gian từ tháng 3/2017 đến tháng 6/2017 Cty T có hỗ trợ 01 nhân viên bán hàng tên T *(không rõ họ*) còn thời gian sau không có nhân viên hỗ trợ bán hàng, điều này cơ bản cũng phù hợp với chứng cứ do Cty T cung cấp là Biên bản làm việc ngày 20/10/2017 bên Cty T có giới thiệu nhân viên giám sát Trần Anh T làm việc cho VPP Bình Phước từ ngày 21/10/2017 và 02 bản hợp đồng đối với ông Lê Trung T *(hợp đồng ký từ ngày 01/4/2017);* ông Trần Anh T *(hợp đồng ký 21/10/2017).* Tại phiên tòa ông V cũng công nhận thực tế ông Trần Anh T có làm việc với VPP Bình phước từ sau ngày 21/10/2017 được khoảng 01-02 tuần thì ngưng. Như vậy cả hai bên đều không có giải pháp xử lý vấn đề này, ông Vương cũng chỉ phản hồi bằng miệng mà không thể hiện bằng văn bản để làm căn cứ xem xét bên vi phạm hợp đồng.

[8].Đối với việc VPP B cho rằng Cty T mở nhà phân phối không thông báo cho bên VPP B biết, không chuyển hàng tồn kho qua nhà phân phối mới. Nhưng VPP B không chứng minh được Cty T đã mở nhà phân phối mới tại khu vực tỉnh Bình Phước và việc xử lý hàng tồn kho như đã nhận định tại mục [5] nêu trên là bên VPP B không thực hiện theo hợp đồng.

Từ những nhận định trên, thấy rằng VPP B đã vi phạm hợp đồng, vi phạm về thời hạn thanh toán, do đó căn cứ Điều 50 Luật thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cty T, buộc VPP B phải thanh toán số tiền nợ từ việc mua bán hàng hóa là 147.094.557đồng.

[9].Về yêu cầu tính lãi chậm thanh toán: Theo quy định tại Điều 6 và Điều 11 của HĐ số 23 quy định nếu chậm thanh toán thì phải chịu mức lãi xuất là 0,05%/ngày trên số tiền chưa thanh toán. Nhưng nay Cty T chỉ yêu cầu tính lãi bằng mức lãi xuất cho vay trung bình của 03 Ngân *(Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng Quốc tế và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam)* 0,7%/tháng (tức 0,0233333333/ngày) trên số tiền còn nợ 147.094.557đồng của từng hóa đơn. Xét mức lãi suất này thấp hơn mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng và có lợi cho bị đơn, phù hợp quy định tại Điều 306 Luật thương mại, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và tính lãi như sau:

-Đối với hóa đơn số 0001220 tính từ ngày 22/8/2017 đến ngày xét xử (17/4/2019) là 602 ngày x 0,0233333333%/ngày x 64.596.002đ = 9.073.588đ.

-Đối với hóa đơn số 000141 tính từ ngày 24/9/2017 đến ngày xét xử (17/4/2019) là 569 ngày x 0,0233333333%/ngày x 82.498.009đ = 10.952.985đ.

Tổng cộng tiền lãi là 20.026.573 đồng.

Ngoài ra bị đơn còn phải trả lãi tiếp theo từ sau ngày xét xử (ngày 17/4/2019) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ.

[10].Về tiền phạt vi phạm hợp đồng Cty T yêu cầu VPP B trả số tiền là 11.767.565 đồng: Tại Điều 11 HĐ số 23 thỏa thuận khi VPP B chậm thanh toán thì chỉ chịu lãi suất chậm thanh toán, còn khi có hành vi vi phạm hợp đồng khác thì phải chịu số tiền không quá 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm và điều kiện phạt

phát sinh là khi *"Bên vi phạm đã thông báo bằng văn bản cho bên vi phạm biết để khắc phục hành vi vi phạm",* nhưng Cty T không thông báo cho bên VPP B về vấn đề này nên chưa đủ điều kiện để yêu cầu tính tiền phạt vi phạm hợp đồng, do đó không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền VPP B phải thanh toán cho Cty T là nợ gốc147.094.557đồng + lãi 20.026.573 đồng = 167.121.130 đồng.

[11].Về quyền phản tố của bị đơn: Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ vụ án, trong đó nêu rõ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn; trong quá trình giải quyết, hòa giải Tòa án cũng giải thích và cho thời hạn gửi đơn yêu cầu phản tố nhưng bị đơn VPP B vẫn không thực hiện nên không xem xét.

[12].Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đề nghị có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[13].Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn VPP B phải nộp số tiền là 167.121.130 đồng x 5% = 8.356.057đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng 11.767.565 đồng không được chấp nhận là 3.000.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50, điều 306 Luật thương mại ;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

[1].Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán:

Buộc Công ty TNHH M Văn phòng phẩm B thanh toán cho Công ty cổ phần văn hóa T số tiền 167.121.130 đồng *(Một trăm sáu mươi bảy triệu một trăm hai mươi mốt ngàn một trăm ba mươi đồng)*. Trong đó: Nợ gốc là 147.094.557đồng *(Một trăm bốn mươi bảy triệu không trăm chín bốn ngàn năm trăm năm mươi bảy đồng)* và lãi suất chậm thanh toán đến ngày xét xử (ngày 17/4/2019) là 20.026.573 đồng *(Hai mươi triệu không trăm hai sáu ngàn năm trăm bảy mươi ba đồng)*.

Buộc Công ty TNHH M Văn phòng phẩm B tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng nguyên tắc số 23/2016/HĐT-VH-TIE ngày 05/12/2016 cho đến khi thanh toán xong.

[2].Không chấp nhận phần yêu cầu của Công ty cổ phần văn hóa T đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng 11.767.565đồng *(Mười một triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm sáu lăm đồng)*

[3].Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH M Văn phòng phẩm B phải nộp 8.356.057 đồng (*Tám triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn không trăm năm bảy đồng);*

Công ty cổ phần văn hóa T phải nộp 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.263.000đồng *(Bốn triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số .0000624, quyển số 0013, ngày 28/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Hoàn lại Công ty cổ phần văn hóa T số tiền 1.263.000 đồng *(Một triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn đồng).*

[4].Quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước.
-VKSND TX. Đồng Xoài;
-Chi cục THA DS TX ĐX;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thu Huệ